

Ghi chú: Trong Phụ lục này thuật ngữ "tình quặng" tương đương với thuật ngữ "quặng đã được làm giàu" trong "Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu" ban hành kèm theo Quyết định số 67/1999/QĐ-BTC ngày 24/6/1999 của Bộ Tài chính.

**QUYẾT ĐỊNH số 14/2000/QĐ-BCN**  
ngày 03/4/2000 về việc chuyển giao các trường mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo) thuộc các đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam tại Quảng Ninh về Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quản lý.

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 28 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 14/CP-ĐMDN ngày 02 tháng 2 năm 2000 và kết luận tại Hội nghị triển khai giữa các Bộ, ngành và địa phương liên quan (Thông báo số 04/TB-VP ngày 29 tháng 3 năm 2000 của Bộ Công nghiệp);

Theo đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Than Việt Nam (Tờ trình số 387-CV/HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 1999) và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chuyển giao nguyên trạng 24 trường mầm non (bao gồm 148 lớp nhà trẻ, mẫu giáo) thuộc 23 đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam tại Quảng Ninh về Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quản lý (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Tổng Giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam có trách nhiệm làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh để chỉ đạo việc chuyển giao trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2000. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam, Giám đốc 23 đơn vị thành viên của Tổng công ty Than Việt Nam, Giám đốc các trường mầm non chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

**ĐẶNG VŨ CHU**

**SỐ LƯỢNG NHÀ TRẺ, MẪU GIÁO**

(ban hành kèm theo Quyết định số 14/2000/QĐ-BCN ngày 03/4/2000).

| Số thứ tự | Đơn vị               | Số lớp   |         |
|-----------|----------------------|----------|---------|
|           |                      | Mẫu giáo | Nhà trẻ |
| 1         | Công ty than Uông Bí | 2        | 2       |
| 2         | Mỏ than Dương Huy    | 1        | 2       |
| 3         | Mỏ than Cọc Sáu      | 10       | 3       |
| 4         | Mỏ than Đèo Nai      | 1        | 2       |

|    |   |           |           |
|----|---|-----------|-----------|
| 5  | Mỏ than Cao Sơn<br>- Nhà trẻ cọc Ba<br>- Nhà trẻ Hoa Hồng | 5<br>4    | 3<br>3    |
| 6  | Mỏ than Hà Tu   | 5         | 5         |
| 7  | Mỏ than Vàng Danh   | 4         | 2         |
| 8  | Mỏ than Mạo Khê   | 3         | 3         |
| 9  | Mỏ than Khe Chàm  | 3         | 5         |
| 10 | Mỏ than Thống Nhất  | 2         | 2         |
| 11 | Mỏ than Mông Dương  | 4         | 4         |
| 12 | Công ty Địa chất và khai<br>thác khoáng sản               |           | 1         |
| 13 | Xí nghiệp tuyển than<br>Cửa Ông                           | 14        | 12        |
| 14 | Xí nghiệp tuyển than<br>Hòn Gai                           | 11        | 2         |
| 15 | Công ty xây dựng mỏ<br>than                               | 4         | 4         |
| 16 | Nhà máy cơ khí Hòn Gai                                    | 1         | 1         |
| 17 | Nhà máy cơ khí Mạo Khê                                    | 1         | 1         |
| 18 | Nhà máy cơ khí ô tô                                       | 1         | 1         |
| 19 | Nhà máy cơ điện Uông Bí                                   |           | 1         |
| 20 | Trường đào tạo nghề mỏ<br>Hòn Gai                         |           | 1         |
| 21 | Công ty than Hòn Gai                                      | 1         | 3         |
| 22 | Mỏ than Hà Lâm  | 2         | 4         |
| 23 | Trường Cao đẳng kỹ<br>thuật mỏ                            | 1         | 1         |
|    | <b>Cộng</b>   | <b>80</b> | <b>68</b> |

**QUYẾT ĐỊNH số 15/2000/QĐ-BCN ngày 03/4/2000 về việc chuyển giao Trung tâm Y tế than khu vực Cẩm Phả là đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế lao động ngành Than của Tổng công ty Than Việt Nam về Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quản lý.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP**

*Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11*

*năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 28 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể và phá sản doanh nghiệp nhà nước;*

*Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 14/CP-ĐMDN ngày 02 tháng 2 năm 2000 và kết luận tại Hội nghị triển khai giữa các Bộ, ngành và địa phương liên quan (Thông báo số 04/TB-VP ngày 29 tháng 3 năm 2000 của Bộ Công nghiệp);*

*Theo đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Than Việt Nam (Tờ trình số 387-CV/HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 1999) và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chuyển giao nguyên trạng Trung tâm Y tế than khu vực Cẩm Phả là đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế lao động ngành Than của Tổng công ty Than Việt Nam về Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quản lý.

**Điều 2.** Tổng Giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam có trách nhiệm làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh để chỉ đạo việc chuyển giao trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2000. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ,